

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HSST

Ngày 10-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Giang

Ông Lâm Quang Tụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn - Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 45/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Thị T sinh ngày 15/8/1966; nơi sinh: Phú Thọ; nơi cư trú: Khu V, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Công N (đã chết); con bà: Nguyễn Thị S (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án: Năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ ngày 31/08/2021 (Bị cáo được giảm 3 tháng 27 ngày). Bị cáo đã nộp xong tiền án phí hình sự. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại. Hiện tại ngoại tại khu V Thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu T2, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu T2, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

3/ Anh Nguyễn Chiến T1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu Núi Miếu, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng hàng ngày Nguyễn Thị T, sinh năm: 1966 trú tại Khu V, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Sử dụng nhà ở của mình để bán số lô, số đề cho khách. T và khách thỏa thuận, khách trúng số đề tức là hai số khách mua trùng với hai số cuối giải đặc biệt kết quả xổ số mở thưởng cùng ngày sẽ được trả số tiền gấp 70 (bảy mươi) lần số tiền họ mua số đề; Lô điểm mua là 23.000đ (hai mươi ba nghìn đồng) một điểm, nếu trúng thưởng là số lô khách mua trùng với hai số cuối của một trong số tất cả các giải kết quả xổ số, được trả số tiền 80.000đ (tám mươi nghìn đồng) một điểm. Khách mua số đề chỉ phải trả cho T số tiền bằng 80% (tám mươi phần trăm) số tiền thực tế họ mua số đề, còn 20% là tiền phần trăm hoa hồng T cắt cho khách.

Đến khoảng 17 giờ 10 phút ngày 27/05/2022 Nguyễn Văn B, sinh năm: 1991 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm: 1994 đều trú tại khu T2, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ đi đến nhà của T mua số lô, số đề. B mua các số gồm: Số lô 05, 50, 73 mỗi số 50 (năm mươi) điểm, số lô 37 là 20 (hai mươi) điểm, số đề 56 là 110.000đ (Một trăm mười nghìn đồng). Tổng số tiền B mua số lô, số đề của T là 4.020.000đ (Bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). T viết các số lô, số đề B mua vào một tờ giấy (gọi là bảng đề) rồi thu tiền của B và viết các số lô, số đề đó vào một mảnh giấy trắng nhỏ (gọi là cáp đề) đưa cho B. B cầm cáp đề đút vào túi quần trước bên trái. Đ mua các số đề 32, 23, 46, 64, 28, 82, 01, 10, 34, 43 mỗi số 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Tổng số tiền Đ mua số đề của T là 1.000.000đ (Một triệu đồng). T viết các số lô, số đề Đ mua vào bảng đề rồi thu tiền của Đ và viết các số đề đó vào cáp đề đưa cho Đ, Đ cầm cáp đề đút vào túi quần trước bên trái. Sau đó B và Đ ra về. Khi B và Đ đang đi bộ trên đường thuộc Khu V, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ thì bị Công an huyện P kiểm tra, phát hiện thu giữ tại túi quần trước bên trái của B Đ mỗi người 01 (một) mảnh giấy hình chữ nhật có ghi chữ và số bằng mực màu xanh, B và Đ khai nhận đó là cáp đề B và Đ mua của bà Nguyễn Thị T ở khu V Thị Trấn C. Công an huyện P đã tiến hành lập biên bản sự việc, đồng thời đưa người vi phạm cùng tang vật vi phạm về Cơ quan điều tra để tiếp tục giải quyết. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Thị T đến Công an huyện P để làm rõ hành vi bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn B và Nguyễn Ngọc Đ đồng thời ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị T. Quá trình làm việc T tự nguyện giao nộp 02 (hai) bảng đề ghi số lô, số đề ngày 27/5/2022; 01 (một) chiếc máy tính, nhãn hiệu CASIO; 01 (một) chiếc bút bi mực màu xanh; 16 (mười sáu) mảnh giấy có một mặt trắng, một mặt có họa tiết, hoa văn, chữ số in sẵn nhiều màu có kích thước dài 20cm, rộng 38cm được T để sẵn để cắt bảng đề hoặc cáp đề; 13 (mười ba) mảnh giấy có một mặt trắng, một mặt có họa tiết, hoa văn, chữ số in sẵn nhiều màu có kích thước dài 14cm, rộng 10cm, được kẹp bằng kẹp kim loại màu xanh được T cắt sẵn làm bảng đề; 6.220.000đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn

đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Kết quả khám xét không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn B và Nguyễn Ngọc Đ đã khai nhận toàn bộ sự việc như đã nêu trên.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền Nguyễn Thị T bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn B và Nguyễn Ngọc Đ ngày 27/05/2022 là 5.020.000 (Năm triệu không trăm hai mươi ngàn đồng chẵn). Do số tiền mua đề của B và Đ ít nên T không trừ tiền hoa hồng cho B và Đ. Ngoài ra T còn bán số lô số đề cho Khách qua đường T không biết tên tuổi địa chỉ với tổng số tiền là 996.000đ. Tổng số tiền T bán số lô, số đề cho B, Đ và một số khách qua đường là 6.016.000đ (Sáu triệu không trăm mười sáu ngàn đồng chẵn).

Tại cơ điều tra Nguyễn Thị T khai nhận: Do quen biết với Nguyễn Chiến T1, sinh năm: 1975 trú tại khu Núi Miếu, thị trấn C, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ và biết T1 là chủ đề nên khoảng tháng 01/2022, T đặt vấn đề làm thư ký bán số lô, số đề chuyên bảng cho T1 để được hưởng tiền hoa hồng. T1 đồng ý. Hàng ngày, T bán số lô, số đề trực tiếp cho người đến mua tại nhà. T ghi các số lô, số đề cùng với số tiền khách mua vào một tờ giấy trắng được cắt sẵn từ các tờ lịch cũ gọi là "bảng đề" rồi viết các số lô, số đề khách mua vào mảnh giấy nhỏ được cắt sẵn từ các tờ lịch cũ rồi đưa lại cho người mua gọi là "cáp đề". Khoảng 18 giờ hàng ngày, T1 trực tiếp đến nhà T để nhận bảng đề và T toán tiền. Sau khi có kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng, T so sánh với bảng đề để xác định các số trúng thưởng. T và T1 quy ước với nhau: Khách trúng số đề tức là mua số trùng với hai số cuối giải đặc biệt kết quả xổ số sẽ được trả số tiền gấp 70 (bảy mươi) lần số tiền họ mua số đề; lô điểm mua là 23.000đ (hai mươi ba nghìn đồng) một điểm, nếu trúng thưởng là số lô khách mua trùng với hai số cuối của một trong số tất cả các giải kết quả xổ số, được trả số tiền 80.000đ (tám mươi nghìn đồng) một điểm. Do bán ít nên khách mua số đề T không tính tiền hoa hồng cho khách. Ngày hôm sau T và T1 sẽ gặp nhau để T toán tiền. Về tiền hoa hồng T và T1 thỏa thuận: Với số đề, T chuyển cho T1 số tiền bằng 80% (tám mươi phần trăm) số tiền thực tế khách mua số đề, T được hưởng hoa hồng là 20% (hai mươi phần trăm) từ số tiền T thu của khách; với số lô T1 tính cho T là 22.000đ (hai mươi hai nghìn đồng) trên một điểm, T được hoa hồng 1.000đ (một nghìn đồng) trên một điểm lô. Sau khi T toán tiền với T1 và trả tiền cho khách trúng thưởng, T và T1 hủy bỏ bảng đề bằng cách đốt bỏ. Tại cơ quan điều tra T1 không thừa nhận việc thỏa thuận nhận bảng lô, đề của T. Ngoài lời khai của T, không có căn cứ nào khác chứng minh. Nên cơ quan điều tra Công an huyện P không có căn cứ để xử lý T1. Trong quá trình điều tra vụ án Nguyễn Thị T đã tự nguyện giao nộp số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) là tiền thu lợi có được từ bán số lô, số đề.

Tại bản cáo trạng số 45/QĐ-VKS-PN ngày 17 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng truy tố đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự .

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T từ 07 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng của vụ án và án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 17 giờ 10 phút ngày 27/05/2022 tại nhà ở của mình, Nguyễn Thị T. Đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn B với số tiền là 4.020.000đ và Nguyễn Ngọc Đ số tiền là 1.000.000đ. Ngoài ra T còn bán số lô, số đề cho một số người không biết tên tuổi địa chỉ là 996.000đ. Tổng số tiền T đánh bạc ngày 27/05/2022 là 6.016.000đ (Sáu triệu không trăm mười sáu ngàn đồng)

Như vậy, hành vi của Nguyễn Thị T có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc là hành vi trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ lợi cá nhân nên cần xử phạt nghiêm khắc để răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Xem xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Bị cáo có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội 1 thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Qua điều tra, xác minh thể hiện bị cáo không có việc làm thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 6.220.000đ mà cơ quan điều tra thu giữ của T, trong đó có: 4.020.000đ là tiền T bán số lô, số đề cho B; 1.000.000đ T bán số đề cho Đ; 996.000 đồng T bán số lô số đề cho khách đi đường, những khoản tiền này là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; 204.000đ là tiền riêng của T không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho T khoản tiền này.

- Đối với số tiền 700.000 đồng là khoản tiền T khai được hưởng hoa hồng khi giao bảng đề cho Nguyễn Chiến T1, T1 không thừa nhận ngoài lời khai của T không có tài liệu gì chứng minh nên cần trả lại cho T khoản tiền này nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Đối với 01(một) chiếc máy tính nhãn hiệu CAISO là vật T sử dụng vào việc bán số lô, số đề nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) chiếc bút bi màu xanh, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 16 (mười sáu) mảnh giấy có một mặt trắng, một mặt có họa tiết, hoa văn, chữ số in sẵn nhiều màu; 13 (mười ba) mảnh giấy có một mặt trắng, một mặt có họa tiết, hoa văn, chữ số in sẵn nhiều màu thu giữ của Nguyễn Thị T dùng để mua bán số lô, số đề không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) mảnh giấy có kích thước dài 14cm, rộng 10cm, một mặt có họa tiết, hoa văn, chữ số in sẵn nhiều màu, một mặt có chữ, số viết tay bằng mực màu xanh bắt đầu là “27/5” kết thúc là “05-20” là bảng đề ngày 27/5/2022 thu giữ

của Nguyễn Thị T là tài liệu, vật chứng chứng minh hành vi phạm tội được lưu theo hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

- Đối với 01 (một) mảnh giấy có kích thước dài 14cm, rộng 10cm, một mặt có hoạ tiết, hoa văn, chữ số in sẵn nhiều màu, một mặt có chữ, số viết tay bằng mực màu xanh bắt đầu là “27/5” kết thúc là “19-10” là bằng đề ngày 27/5/2022 thu giữ của Nguyễn Thị T là tài liệu, vật chứng chứng minh hành vi phạm tội được lưu theo hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

- Đối với 01 (một) mảnh giấy hình chữ nhật loại giấy lịch bên trên có viết các chữ số bằng mực bút bi màu xanh phía trên bắt đầu là “25/5”, kết thúc là “110N” là là cấp đề thu giữ của Nguyễn Văn B, được lưu theo hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

- Đối với 01 (một) mảnh giấy hình chữ nhật loại giấy lịch bên trên có viết các chữ số bằng mực bút bi màu xanh phía trên bắt đầu là “25/5”, kết thúc là “100N” là cấp đề thu giữ của Nguyễn Ngọc Đ, được lưu theo hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn B và Nguyễn Ngọc Đ, có hành vi đánh bạc với Nguyễn Thị T, nhưng số tiền mà Nguyễn Văn B và Nguyễn Ngọc Đ đánh bạc dưới 5 triệu đồng, B và Đ chưa có tiền án tiền sự về tội đánh bạc, gá bạc hoặc tổ chức đánh bạc nên Công an huyện P đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Đánh bạc” là phù hợp.

Đối với Nguyễn Chiến T1 là người T khai có chuyển bằng đề cho T1 và hưởng tiền hoa hồng, cơ quan điều tra đã triệu tập đã triệu tập T1 đến để làm việc nhưng T1 không thừa nhận, ngoài lời khai của T, không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Nên cơ quan điều tra Công an huyện P không có căn cứ để xử lý T1 thấy là phù hợp.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các căn cứ pháp luật, đề xuất về hình phạt, xử lý vật chứng và án phí là phù hợp.

[3]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a,c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: Của T số tiền 6.016.000đ (Sáu triệu không trăm mười sáu ngàn đồng) và 01(một) chiếc máy tính cầm tay nhãn hiệu CASIO;

- Trả lại cho Nguyễn Thị T 904.000đ (Chín trăm linh bốn nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Số tiền 6.920.000đ (Sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) đang trong tạm giữ số 3949.0.1053892.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P mở tại khoa bạc nhà nước huyện P.

- Tịch thu, tiêu hủy của T: 01 (một) chiếc bút bi màu xanh; 16 (mười sáu) mảnh giấy có một mặt trắng, một mặt có hoạ tiết, hoa văn, chữ số in sẵn nhiều màu; 13 (mười ba) mảnh giấy có một mặt trắng, một mặt có hoạ tiết, hoa văn, chữ số in sẵn nhiều màu

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/10/2022 giữa cơ quan CSĐT Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- THA HS, DS huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- UBND thị trấn C, P, Phú Thọ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Đào